TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á

KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH

GIÁO TRÌNH

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 4

Giảng viên: Ths.Phạm Thị Minh Trang

~

Phần kế toán XDCB

ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP VÀ ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ

1. ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1 ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT XÂY LẮP ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC TỔ CHỨC CÔNG TAC KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP

1 Đặc điểm của sản xuất xây lắp và sản phẩm xây lắp

Sản xuất XDCB là 1 hoạt động xây dựng mới, mở rộng, khôi phục cải tạo cơ sở vật chất cho nền kinh tế.trong hoạt động xây lắp nhận thầu giữ vai trò quan trọng và hoạt động chủ yếu theo phương thức nhận thầu khối lượng xây lắp do chủ đầu tư giao thầu.

XDCB là 1 ngành sản xuất vật chất mang tính chất sản xuất công nghiệp, nhưng có đặc điểm riêng biệt khác với ngành sản xuất khác, ảnh hưởng đến công tác quản lý và công tác kế toán.sản xuất xây lắp có những đặc điểm sau đây.

- Sản phẩm xây lắp mang tính chất riêng lẻ đó là những công trình, vật kiến trúc... có qui mô lớn, kỹ thuật sản xuất phức tạp, sản xuất đơn chiếc, thời gian sản xuất dài,...(Mỗi sản phẩm xây lắp có yêu cầu về mặt cấu trúc, mỹ thuật, hình thức địa điểm xây dựng khác nhau) => đặc điểm này đòi hỏi phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán thi công), quá trình xây lắp phải luôn luôn sát với dự toán, phải lấy dự toán làm căn cứ tổ chức thực hiện.

- Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá trị dự toán (hoặc giá thoả thuận khi trúng thầu hoặc giá chỉ định thầu). Tính chất hàng hoá của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ (vì đã quy định giá cả, người mua, người bán từ trước thông qua hợp đồng giao thầu) => ***Vì vậy việc tiêu thụ được thực hiện thông qua việc bàn giao công trình hoàn thành cho chủ đầu tư.***

- Hoạt động xây lắp mang tính chất lưu động, tiến hành chủ yếu ngoài trời. Sản phẩm xây lắp được cố định tại nơi sản xuất, còn phương tiện sản xuất (máy móc thi công, công nhân) phải di chuyển theo địa điểm sản xuất. Đặc ~~điểm này làm cho công tác quản lý, kế toán tài sản, vật tư lao động phức tạp,~~

đồng thời lại chịu tác động của môi trường tự nhiên dễ làm tài sản mất mát, hư hỏng => Doanh nghiệp cần có kế hoạch điều độ phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí hạ giá thành.

- Thời gian thi công và thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp rất lâu dài, chất lượng được xác định cụ thể trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật. Do đó đòi hỏi công tác quản lý và kế toán phải thực hiện tốt để cho chất lượng công trình thực hiện đúng như dự toán thiết kế,...

1 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp.

- Đối tượng hạch toán chi phí là công trình xây lắp, các giai đoạn của hạng mục công trình hoặc nhóm các hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình. Từ đối tượng hạch toán nói trên việc tổ chức chi phí kế toán chi phí phải tuân thủ các qui định về trình tự hạch toán, phương pháp phân bổ, trích trước,...

- Việc tính giá thành có thể là hạng mục công trình hoàn thành, các giai đoạn công việc đã hoàn thành, toàn bộ công trình hoàn thành có lập dự toán riêng.

Các phương pháp tính giá thành được áp dụng:

Phương pháp trực tiếp: nếu đối tượng hạch toán chi phí là khối lượng xây dựng cơ bản có lập dự toán riêng.

Phương pháp tổng cộng chi phí: Nếu đối tượng hạch toán chi phí là các giai đoạn, các hạng mục công trình.

Phương pháp tỷ lệ: Nếu đối tượng hạch toán chi phí là nhóm các hạng mục công trình.

- Xuất phát từ đặc điểm lập dự toán trong XDCB nên dự toán được lập theo từng hạng mục công trình và phân tích theo từng khoản mục, yếu tố chi phí.

- Đối với giá thành công tác xây dựng và lắp đặt kết cấu bao gồm: Giá trị vật kết cấu và giá trị thiết bị kèm theo vật kiến trúc như thiết bị thang máy, vệ sinh, thông gió, sưởi ấm,...

1.2. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.

1.2.1. Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp

1.2.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất xây lắp

Chi phí sản xuất xây lắp là toàn bộ các chi phí về lao động sống, lao động vật hoá phát sinh trong quá trình thi công xây lắp của doanh nghiệp xây lắp trong một thời kỳ nhất định, bao gồm chi phí sản xuất xây, lắp và chi phí sản xuất khác cấu thành nên sản phẩm xây lắp.

Để có thể kiểm tra, so sánh chi phí xây lắp thực thế phát sinh với dự toán chi phí sản xuất xây lắp được phân loại theo yếu tố chi phí, khoản mục chi phí.

Cơ cấu giá thành xây lắp bao gồm các khoản mục chi phí sau đây:

+ Chi phí NLVL trực tiếp
+ Chi phí nhân công trực tiếp
+ Chi phí sử dụng máy thi công.
+ Chi phí sản xuất chung

1.2.1.2. Khái niệm giá thành xây lắp.

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí bằng tiền để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo qui định. Giá thành hạng mục công trình hoặc công trình hoàn thành toàn bộ là giá thành sản phẩm cuối cùng của công việc xây lắp.

Trong sản xuất xây lắp cần phân biệt các loại giá thành sau đây:

- Giá trị dự toán:

Trong XDCB, sản phẩm xây dựng là nhà cửa, vật kiến trúc ... mà giá trị của nó được xác định bằng giá trị dự toán thông qua hợp đồng giữa bên giao thầu và bên nhận thầu trên cơ sở thiết kế kỹ thuật thi công, định mức và đơn giá do nhà nước quy định cho từng khu vực thi công và phân tích luỹ theo định mức.

Giá trị dự toán là giá thanh toán cho khối lượng công tác xây lắp hoàn thành theo dự toán.

$$\text{Giá trị dự toán} = \text{Chi phí hoàn thành khối lượng công tác xây lắp theo dự toán} + \text{Lợi nhuận định mức}$$

Giá trị dự toán là cơ sở để kế hoạch hoá việc cấp phát vốn đầu tư XDCB, là căn cứ xác định hiệu quả công tác thiết kế cũng như căn cứ để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch khối lượng thi công và xác định hiệu quả hoạt động kinh tế của DNXL.

- Giá thành công tác xây lắp: là một phần của giá trị dự toán, là chỉ tiêu tổng hợp các chi phí trực tiếp và các chi phí gián tiếp theo các khối lượng công tác xây lắp hoàn thành.

Trong quản lý và hạch toán, giá thành công tác xây lắp được phân biệt thành các loại giá thành sau đây:

+ Giá thành dự toán công tác xây lắp: là toàn bộ các chi phí để hoàn thành khối lượng công tác xây lắp theo dự toán. Như vậy giá thành dự toán là một bộ phận của giá trị dự toán của từng công trình xây lắp riêng biệt và được xác định từ giá trị dự toán không có phần lợi nhuận định mức.

Hoặc:

$$\text{Giá thành dự} = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lợi nhuận định mức}$$

toán

Giá thành dự toán = khối lượng công tác xây lắp theo định mức kinh tế kỹ thuật do nhà nước quy định nhân với đơn giá xây lắp do nhà nước ban hành theo từng khu vực thi công và chi phí khác theo định mức.

Giá thành dự toán được xây dựng và tồn tại trong một thời gian nhất định, nó được xác định trong những điều kiện trung bình về sản xuất thi công, về tổ chức quản lý, về hao phí lao động vật tư ... cho từng loại công trình hoặc công việc nhất định. Giá thành dự toán có tính cố định tương đối và mang tính chất xã hội.

+ Giá thành kế hoạch: là giá thành được xác định từ những điều kiện và đặc điểm cụ thể của một DNXL trong một kỳ kế hoạch nhất định.

Căn cứ và giá thành dự toán và căn cứ vào điều kiện cụ thể, năng lực thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế hoạch, DN tự xây dựng những định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá để xác định những hao phí cần thiết để thi công công trình trong một kỳ kế hoạch.

Như vậy, giá thành kế hoạch là một chỉ tiêu để các DNXL tự phấn đấu để thực hiện mức lợi nhuận do hạ giá thành trong kỳ kế hoạch.

Giá thành kế hoạch	=	Giá thành dự toán	-	Lãi do hạ giá thành	+/-	Chênh lệch so với dự toán

+ Giá thành định mức: là tổng số chi phí để hoàn thành một khối lượng xây lắp cụ thể được tính toán trên cơ sở đặc điểm kết cấu của công trình, về phương pháp tổ chức thi công và quản lý thi công theo các định mức chi phí đã đạt được ở tại doanh nghiệp, công trường tại thời điểm bắt đầu thi công.

Khi đặc điểm kết cấu công trình thay đổi, hay có sự thay đổi về phương pháp tổ chức, về quản lý thi công, thì định mức sẽ thay đổi vì khi đó, giá thành định mức được tính toán lại cho phù hợp.

+ Giá thành thực tế: là toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh để thực hiện hoàn thành quá trình thi công do kế toán tập hợp được. Giá thành thực tế biểu hiện chất lượng, hiệu quả về kết quả hoạt động của DNXL.

So sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch cho thấy mức độ hạ giá thành kế hoạch của DN.

So sánh giá thành thực tế với giá thành dự toán, phản ánh chỉ tiêu tích luỹ của doanh nghiệp, từ đó có thể dự định khả năng của DN trong năm tới.

So sánh giá thành thực tế với giá thành định mức cho thấy mức độ hoàn thành định mức đã đề ra của DN đối với từng khối lượng xây lắp cụ thể.

Giá thành thực tế: Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành bàn giao khối lượng xây lắp mà doanh nghiệp đã nhận thầu. Nó được xác định trên cơ sở số liệu kế toán thực tế.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất xây lắp.

a. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là chi phí về nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp hoặc sử dụng cho sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp xây lắp.

Chi phí nguyên liệu, vật liệu phải tính theo giá thực tế khi xuất sử dụng. Giá thực tế của nguyên liệu vật liệu có thể được xác định theo một trong các phương pháp:

- Tính theo giá thực tế từng lần nhập (giá đích danh).
- Tính theo giá bình quân gia quyền tại thời điểm xuất kho (giá bình quân liên hoàn).
- Tính theo giá thực tế nhập trước, xuất trước (FIFO)
- Tính theo giá thực tế nhập sau, xuất trước (LIFO).
- Tính theo giá bình quân kỳ trước.

Chọn phương pháp nào, đơn vị phải đảm bảo tính chất nhất quán trong suốt niên độ kế toán.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong sản xuất xây lắp gồm nguyên vật liệu chính và vật liệu phụ dùng trực tiếp để sản xuất sản phẩm xây lắp.

- Chi phí nguyên vật liệu chính bao gồm những thứ nguyên liệu, vật liệu, nửa thành phẩm mua ngoài, vật kết cấu ... mà khi tham gia vào quá trình sản xuất nó cấu thành thực thể chính của sản phẩm như gạch ngói, cát, đá, xi măng, sắt, bêtông đúc sẵn ... Các chi phí nguyên vật liệu chính thường được xây dựng định mức chi phí và cũng tiến hành quản lý theo định mức.

Thường chi phí nguyên vật liệu chính có liên quan trực tiếp với từng đối tượng tập hợp chi phí như công trình, hạng mục công trình ... do đó được tập hợp theo phương pháp ghi trực tiếp.

Trường hợp chi phí nguyên vật liệu chính sử dụng có liên quan tới nhiều đối tượng chịu chi phí thì phải dùng phương pháp phân bổ gián tiếp. Khi đó tiêu chuẩn phân bổ hợp lý nhất là định mức tiêu hao chi phí nguyên vật liệu chính.

Khi tính chi phí nguyên vật liệu chính vào chi phí sản xuất trong kỳ (tháng, quý, năm) cần là chỉ được tính trị giá của nguyên vật liệu chính đã thực tế sử dụng vào sản xuất. Vì vậy, nếu trong kỳ sản xuất, có những nguyên vật liệu chính đã xuất dùng cho các tổ, đội, công trình (theo các chứng từ xuất vật liệu) nhưng chưa sử dụng hết vào sản xuất thì phải được loại trừ ra khỏi chi phí sản xuất trong kỳ bằng các bút toán điều chỉnh thích hợp.

- Chi phí vật liệu phụ (vật liệu khác).

Chi phí vật liệu phụ bao gồm những thứ vật liệu mà khi tham gia vào sản xuất nó kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, hình dáng bề ngoài của sản phẩm, góp phần tăng thêm chất lượng, thẩm lỹ của sản phẩm, kích thích thị hiếu sử dụng sản phẩm hoặc đảm bảo cho hoạt động sản xuất tiến hành thuận lợi, hoặc phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật công nghệ hoặc phục vụ cho việc đánh giá bảo quản sản phẩm.

Vật liệu khác trong sản xuất xây lắp như bột màu, thuốc nổ, đinh, dây ...

Việc tập hợp chi phí sản xuất khác trong hoạt động xây lắp cũng tương tự như đối với chi phí nguyên vật liệu chính. Tuy nhiên các loại vật liệu phụ trong sản xuất xây lắp thường gồm nhiều loại phức tạp, công dụng đối với sản xuất đa dạng, việc xuất dùng vật liệu khác trong sản xuất thường có liên quan tới nhiều đối tượng tập hợp chi phí khác nhau nên khó có thể tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng chi phí. Chi phí vật liệu khác thường thì sử dụng phương pháp phân bổ gián tiếp. Đối với những vật liệu phụ có định mức chi phí thì căn cứ vào định mức chi phí để làm tiêu chuẩn phân bổ. Trường hợp không xác định định mức chi phí vật liệu phụ thì sẽ chọn tiêu chuẩn phân bổ phù hợp, thường dùng tiêu chuẩn phân bổ là mức tiêu hao thực tế của vật liệu chính (nếu tiêu hao vật liệu phụ tương ứng với tiêu hao vật liệu chính) hoặc phân bổ theo giờ máy, ca máy thi công nếu chi phí vật liệu phụ được sử dụng để phục vụ cho hoạt động của máy móc thi công.

- Chi phí nhiên liệu:

Trong sản xuất xây lắp, trường hợp đối với các công trình cầu đường giao thông, dùng nhiên liệu để nấu nhựa rải đường, chi phí nhiên liệu sẽ được tính vào khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Phương pháp phân bổ chi phí nhiên liệu cũng giống như đối với vật liệu phụ đã trình bày ở trên.

Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 621. Nội dung phản ánh giống tài khoản 621 trong sản xuất công nghiệp.

Tài khoản này được dùng để phản ánh các chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây, lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, thực hiện dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp xây lắp.

Bên Nợ: Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ trong kỳ hạch toán.

Bên Có:

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trực tiếp sử dụng không hết được nhập lại kho.
- Kết chuyển hoặc tính phân bổ trị giá nguyên liệu, vật liệu thực tế sử dụng cho hoạt động xây lắp trong kỳ vào TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và

chi tiết cho các đối tượng để tính giá thành công trình xây lắp, giá thành sản phẩm, dịch vụ lao vụ ...

TK 621 không có số dư cuối kỳ.

TK 621 phải được mở chi tiết để theo dõi từng hoạt động trong doanh nghiệp xây lắp như hoạt động xây lắp, nếu hạch toán được theo từng đối tượng sử dụng nguyên liệu, vật liệu thì phải mở chi tiết theo từng đối tượng sử dụng để cuối kỳ kết chuyển chi phí, tính giá thành thực tế của từng đối tượng công trình.

Trình tự hạch toán (DN xây lắp chỉ sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên)

1. Khi xuất vật liệu sử dụng cho công trình.
   Nợ TK 621 Chi tiết theo từng đối tượng
   Có TK 152
2. Mua nguyên liệu vật liệu sử dụng cho công trình
   Nợ TK 621 Chi tiết theo từng đối tượng
   Nợ TK 133 Phần thuế GTGT
   Có TK 111,112,141,331...
3. Cuối kỳ nếu có nguyên vật liệu sử dụng không hết
   Nợ TK 152
   Có TK 621
4. Cuối kỳ kết chuyển chi phí nguyên vật liệu để tính giá thành xây lắp
   Nợ TK 154 Chi tiết theo từng đối tượng
   Có TK 621

b. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

- Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản tiền lương chính, tiền lương phụ, phụ cấp phải trả của công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình: Công nhân mộc, nề, uốn sắt, trộn bê tông, khuân vác,...

Chi phí nhân công trực tiếp là các chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp và các hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ lao vụ trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí lao động trực tiếp thuộc hoạt động sản xuất xây lắp bao gồm cả các khoản phải trả cho người lao động thuộc quyền quản lí của doanh nghiệp và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

Chi phí nhân công trực tiếp nếu tính trả lương theo sản phẩm hoặc tiền lương trả theo thời gian nhưng có liên hệ trực tiếp với từng đối tượng tập hợp chi phí cụ thể thì dùng phương pháp tập hợp trực tiếp. Đối với chi phí nhân công trực tiếp sản xuất trả theo thời gian có liên quan tới nhiều đối tượng và không hạch toán trực tiếp được và các khoản tiền lương phụ của công nhân sản xuất xây lắp thì phải dùng phương pháp phân bổ gián tiếp. Tiêu chuẩn được dùng để phân bổ hợp lí

là phân bổ theo giờ công định mức hoặc theo tiền lương định mức, hay phân bổ theo giờ công thực tế.

Đối với công nhân sản xuất vật liệu, trong chi phí nhân công trực tiếp còn gồm cả các khoản trích theo lương và tiền ăn giữa ca của công nhân sản xuất.

Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 622. nội dung kết cấu giống tài khoản 622 trong doanh nghiệp công nghiệp.

Bên Nợ*:*

- Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm (xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ), bao gồm: tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương theo qui định

(Riêng đối với hoạt động xây lắp, không bao gồm các khoản trích trên lương về BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

Bên Có*:*

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào bên Nợ TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

TK 622 không có số dư cuối kỳ.

Trình tự hạch toán

1. Căn cứ bảng tính lương, tiền công phải trả công nhân.

   Nợ TK 622 chi tiết từng đối tượng

   Có TK 334, 111 Công nhân doanh nghiệp và CN thuê ngoài.

2. Cuối kỳ kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để xác định giá thành

   Nợ TK 154

   Có TK 622

c. **Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.**

Máy móc thi công là toàn bộ số máy, phương tiện phục vụ thi công: Máy chuyển động bằng động cơ hơi nước, động cơ Diezen, máy trộn vữa, trộn bê tông, máy đào đất, đóng cọc, cần cẩu lắp gếp...

Chi phí sử dụng máy thi công gồm hai loại

Tiền lương, phụ cấp lương của công nhân điều khiển máy, phục vụ máy

- Chi phí vật liệu, công cụ dùng cho máy hoạt động: Xăng, dầu, mỡ,...
- Chi phí khấu hao máy thi công
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền: Tiền bảo hiểm xe máy, tiền thuê sửa chữa bảo trì máy thi công, điện nước cho máy thi công...
- Các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công.

Chi phí máy thi công phát sinh được phân bổ cho các công trình, hạng mục công trình theo khối lượng (thường tính theo ca máy)...

$$\text{Chi phí SDM tính cho từng ĐT} = \frac{\text{Tổng chi phí SD máy thi công phát sinh}}{\text{Tổng khối lượng máy phục vụ}} \text{ X } \text{Khối lượng máy phục vụ cho từng đối tượng}$$

Ghi chú: Trường hợp chi phí sử dụng máy không theo dõi riêng cho từng máy mà theo dõi chung cho tất cả các máy thì phải quy đổi khối lượng của các máy ra khối lượng chuẩn theo giá kế hoạch của mỗi máy trước khi phân bổ.

Tài khoản sử dụng 623 "Chi phí sử dụng máy thi công"

Tài khoản này dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp (thi công theo phương thức hỗn hợp không tổ chức đội máy thi công)

Bên Nợ: Các chi phí liên quan đến máy thi công (chi phí nguyên liệu cho máy hoạt động, chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền công của công nhân trực tiếp điều khiển máy, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy thi công…)

Bên Có: Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào bên Nợ TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tài khoản 623: chi phí sử dụng máy thi công có 6 TK cấp 1.

+ TK 6231: Chi phí nhân công: Dùng để phản ánh lương chính, lương phụ: phụ cấp lương phải trả cho công nhân trực tiếp điều khiển xe, máy thi công, công nhân phục vụ máy thi công kể cả khoản tiền ăn giữa ca của các công nhân này. TK này không phản ánh khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính theo tỷ lệ trên tiền lương của công nhân sử dụng xe, máy thi công. Khoản tính trích này được phản ánh vào TK 623: Chi phí sản xuất chung.

+ TK 6232: Chi phí vật liệu: Dùng để phản ánh chi phí nhiên liệu như xăng, dầu, mỡ… vật liệu khác phục vụ xe máy thi công.

+ TK 6233: Chi phí dụng cụ sản xuất: Dùng để phản ánh công cụ, dụng cụ lao động liên quan tới hoạt động của xe, máy thi công.

+ TK 6234: Chi phí khấu hao máy thi công: Dùng để phản ánh khấu hao máy móc sử dụng vào hoạt động xây lắp công trình.

+ TK 6237: Chi phí dịch vụ mua ngoài: Dùng để phản ánh chi phí dịch vụ mua ngoài như thuê ngoài sửa chữa xe, máy thi công, bảo hiểm xe, máy thi công, chi phí điện, nước, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ…